

## *Người lạ*

Một đêm đông.

Ngồi quanh cái khuôn bếp cổ điển của những nhà Mạn Ngược, cha tôi và tôi lắng nghe ông Hội Cảnh kể câu chuyện lạ đường rừng...

Ở đây, người ta không dùng đèn. Ánh lửa bếp, tuy vàng úa và lung lay, cũng đủ chiếu sáng mấy gian nhà trống rỗng. Bên ngoài, giọt sương gieo lộp độp... gieo cái cảm giác tê tái vào lòng người...

Tôi ngồi xếp bằng tròn, hai tay thu vào bọc, mắt dán lên nhìn người kể chuyện: một ông cụ già ngót bảy mươi tuổi, nom còn quắc thước lắm. Vóc người ông vạm vỡ, chân tay ông to lớn, mặt ông vuông chữ điền, nước da ông đỏ thắm, râu tóc ông bạc phơ. Cứ trông cái trán vuông mà không cao, cặp lông mày chổi sể lòa xòa xuống cặp mắt voi sáng quắc của ông,

ta đủ thấy ông là người thông minh, bạo dạn và thiết thực. Ông cụ mặc một cái áo cánh rộng bằng vải gai to sợi nhuộm chàm là thứ vải dân thượng du tự dệt lấy. Phủ ngoài áo cánh, một cái trần thủ bằng liễu tam giang lót da rái cá, một vật quý có tính kỵ phong sương. Cái quần xanh cao ống để hở đôi bắp chân cục mịch, lẫn những đường gân to như chấu. Hai chân ấy đã từng vượt đèo lội suối, xông pha núi rừng nên hình như chẳng biết rét là gì. Ông cụ ngồi cạnh cha tôi, chân trái quắp vào lòng, chân phải chống bên cạnh sườn, đầu gối đỡ lấy bàn tay phải cầm chiếc điều can đất thó. Thỉnh thoảng, mỗi lần ông đưa cái điều lên miệng kéo mấy hơi thuốc, vẻ mặt ông càng thờ thẩn, hai mắt ông càng xa vắng. Ông ngồi lẳng lặng hàng giờ, nói thủng thẳng và thường lâu lâu mới lại sực nhớ tới chuyện mình đang kể...

Dưới ánh lửa đỏ, tôi nhìn ông già ấy, nhìn cái bóng ông chập chờn trên vách, tôi bâng khuâng như nhìn thấy chính cái huyền bí của sơn lâm.

Ông Hội Cảnh dần xuống từng tiếng, như để in sâu vào trí não người nghe:

“Tôi bây giờ, già rồi... Bảy mươi tuổi... còn gì mà không già!... Câu chuyện tôi sắp kể ông nghe đây, xảy ra đã hơn hai chục năm... vậy mà tôi vẫn nhớ rõ... Chuyện lạ lắm! Chính tôi được thấy chứ không phải cố ý bịa đặt để dối ông đâu... Tôi gần kể miệng lỗ rồi, còn nói dối làm gì!...”

Câu mở đầu dài dòng ấy càng khiến cha tôi và tôi thêm tò mò...

“Người ta, nếu mới nghe một chuyện gì hơi khác thường, đã vội cho là huyền hoặc, chẳng cũng hẹp nghĩ lắm ru? Ông bảo ở đời cái gì có thể tin chắc được? Cái gì thật, cái gì hư? Ngay như tôi với ông đang ngồi trò chuyện cùng nhau đây, ai bảo là không có thật? Nhưng, nếu bây giờ, một trong hai ta nhắm mắt bịt tai lại, thử hỏi cái hình ảnh và tiếng nói của bạn mình kia còn hay mất, có hay không? Câu chuyện này, khi tôi đã kể ông nghe rồi, thật hư đều do quyền ông phán đoán. Tôi không muốn cùng ông tranh biện làm gì. Có một điều chắc là, trong đời tôi, chính câu chuyện sắp kể đây đã làm tôi phải rùng mình. Cái rùng mình quái lạ ấy, giờ tôi muốn chia với ông một phần. Ý tôi là thế...”

Ông già kéo mấy hơi thuốc lá, thở khói mù mịt như bao quanh mình thêm một cái màng bí mật nữa...

Bên ngoài, sương vẫn gieo nặng trên mặt đất, gió vẫn rên rỉ đầu cành cây. Tôi bỗng thấy sờn thịt, tâm hồn giá ngắt lại... Thì ra, tự ngoài đêm tối, mấy tiếng cú kêu thảm đạm đã làm tôi hãi hùng...

“Phải - ông Hội Cảnh vừa gõ tàn thuốc vào thành bếp vừa nói - lúc ấy vào khoảng trưa một ngày mùa hè. Tôi một mình ngồi trên chòi canh giữa nương lúa với một khẩu súng hỏa mai, một con dao lưng

và một quyển truyện Phương Hoa bằng chữ Nôm. Đến đây, tôi cần nói để ông rõ rằng: việc canh lúa không phải do vợ chồng thằng cháu cả ép nài tôi. Chính tôi tự nhận lấy, nghĩ rằng nhà neo, vợ chồng cháu vừa bận con mọn vừa lăm công kia việc nọ, nếu mình cứ cậy là ông bố già, ăn no ngồi đấy, sao cho đành lòng! Thế là cơm lam<sup>(1)</sup>, nước ống, tôi một mình lên nương. Đạo này yên hàn còn khá, hễ hơi thấy dấu nai lợn lảng vảng quanh nương thì thường phải canh nhật dạ. Nếu không, chỉ một đêm bị giày xéo, cả cánh nương lúa tốt đẹp kia sẽ tan tành mà cơ túng thiếu trong nhà sẽ không sao tránh khỏi. Việc bất đắc dĩ chứ ai không biết rằng tự vùi mình giữa nơi tịch mịch như thế là rất buồn. Nay, nhất khoảng đang trưa, ngồi trên chòi nhìn cảnh vật ngủ li bì dưới ánh nắng và nghe suối đổ mơ hồ, điểm thêm một đôi tiếng cú cu của con chim cu gáy ẩn hình nào đó, tôi tưởng cái buồn không lấy gì ví được...

Vậy, buổi trưa mùa hè ấy, tôi, cũng như mọi ngày, một mình thơ thẩn trên chòi canh. Tôi nhìn trời mây, rừng núi mãi cũng buồn và cũng mỏi, tôi bèn ngả lưng mở quyển Phương Hoa ra đọc. Thoạt đầu, tự mình nghe tiếng mình ngâm nga, cái tiếng người lẻ loi phản lại cái tịch mịch bao trùm, lòng tôi không khỏi rờn rợn. Sau, tôi cứ đánh bạo ngâm tràn. Đang lúc đắc chí, tôi tự nhiên thấy sau lưng thoáng có hơi lạnh, rồi chân lông trong mình xởn lên. Tôi bị một sợ

---

(1) Cơm gạo nếp đốt trong ống tre non.

hải vô lý nó ám ảnh đến nỗi phải quay đầu lại thì... người tôi như có cái máy bật mạnh dậy...”

Cái điều con nạt đầy thuốc tự lúc nào đã thấy kể lên miệng ông Hội Cảnh. Ông lấy hai ngón tay nhúp vôi hòn than nhỏ để vào điều, hít mạnh mấy hơi, nhổ nước bọt vào bếp, rồi lặng yên... Trong lúc ấy, tôi nhận rõ trên mặt ông ta một cái gì như dấu vết sự kinh hoàng...

“Tôi ngồi nhòm dậy... Bên mình tôi, một cô gái lạ mặt đang chăm chú nhìn tôi, miệng cười chúm chím... Sự kinh ngạc bấy giờ của tôi thực không sao tả được. Cái chòi tôi nằm, bốn cột làm bằng bốn cây ba xoi mảnh dẻ, hơi bị gió lay cũng rung rinh như võng. Người con gái ấy lên lúc nào mà tôi không biết? Vả chẳng, cô ta là ai, lên chòi tôi có chuyện gì? Có sao lạ lùng thế? Cô ta không phải trong động tôi, cũng không phải người các động chung quanh. Cô ta đẹp một cách dị thường: mặt dài thon thon, da trắng mòng mọng lại có những vân đỏ và phủ một lượt tơ như vỏ đào non, lông mày rậm, vàng như râu ngô lượn tròn trên cặp mắt sáng quắc. Lạ một điều là lòng đen mắt cô ta đỏ và trong suốt như mắt thỏ trắng. Cô ta nhìn một cách lăm lét đáng nghi: miệng cười như đốt lòng người. Nhưng... đến hai hàm răng thì ghê quá! Răng người đâu mà nhọn hoắt như răng mèo! Y phục không ra Kinh không ra Mán, chẳng phải Khách chẳng phải Nùng. Toàn thân có một mùi thơm như hoắc hương. Thật, trong đời tôi, có lần ấy mắt nom thấy một cô thiếu nữ quái gở như thế!...

Cô ta, thấy tôi có dáng hốt hoảng, chỉ cười. Tôi sợ quá, tóc gáy rờn rợn, mồ hôi giá ngắt.

Cô ta cất tiếng nói, líu ríu như tiếng chim, khó hiểu lắm:

- Anh kể chuyện tốt giọng nhỉ!... Kể đi!...

Tôi càu nhàu đáp:

- Mọi miệng rồi!

Cô ta lờ như không nghe hiểu câu trả lời ấy và cứ mon men dịch lại gần tôi... Ông ạ, tôi đi rừng gặp beo là thường. Mỗi khi con beo xông đến, tôi không sợ bằng thấy cô ta lê lại gần mình. Tôi vội giựt lùi về phía sau. Hai người cứ thế xoay quanh khắp mặt chòi. Sau cùng, cô ta, xem chừng nản, quắc mắt nhìn tôi và sừng sộ hỏi:

- Anh ở đây một mình, có sợ không?

Giá ai bảo tôi: “Mày sắp chết”, tôi không sợ bằng nghe câu hỏi ấy. Tôi tự nhiên vợ lấy khẩu súng, miệng quát thốt thanh:

- Sợ gì?... Tôi chẳng sợ gì cả!... Cái gì dám lại gần tôi là tôi bắn!...

Cô ta ra vẻ nghĩ ngợi, sau dịu giọng nói:

- Anh này cục tính quá!... Nhưng thôi! Rừng xanh, nếu anh còn lai vãng thì một ngày kia ta sẽ còn gặp nhau.

Cô ta đứng dậy xuống chòi, đi lững lơ ở không trung, như người đi lên một cái thang vô hình. Còn tôi,

tôi bắt đầu run bắn người lên. Hai hàm răng tôi đánh vào nhau chan chát, những giọt mồ hôi trán lạnh như băng... Ma!... Đích ma ông ạ!.. Nếu chẳng phải yêu ma thì là cái gì?...

Tôi bấm tính gan góc, nên tuy sợ mà vẫn bạo. Tôi chờ con yêu ra tới giữa nương lúa, bèn tỳ súng lên vai, nhằm rõ đích xác rồi bấm cò... “Đoàng!”... Một làn khói trắng bùng ra rồi thong thả tan đi...

Quanh mình tôi, cái lặng lẽ lại như trước, nặng nề hơn trước...

Việc xảy ra như thế, có thể gọi là một giấc mê hoảng... Gọi là gì cũng được. Nhưng tôi thì tôi nói quyết cùng ông rằng lúc ấy tôi mở mắt và vẫn tỉnh táo như bây giờ...

Ông Hội Cảnh nhắm mắt ngồi im.

Cái tịch mịch đêm đông, tôi thấy như trở nên một linh hồn, có cảm giác và có thể hoạt động được. Tôi rùng mình. Trí tuệ tôi đắm sâu trong cái huyền bí hải hùng...

Mãi lâu lâu, khi con chó vàng, nằm ngoài thích, bỗng chầu mõm lên không cần rú một thôi dài, ông Hội Cảnh mở bừng hai mắt, vợ vẫn nhìn quanh rồi mới kết luận giống một:

“Về sau, tôi dặn con cháu có đi rừng chớ giắt lá hoắc hương trong mình, vì tôi vẫn nhớ cái mùi thơm ấy. Chưa hẳn là một điều hữu lý, song gọi là một cách để phòng...”

## *Ma thường lương*

Ông Hội Cảnh lại kể chuyện ma thường lương:

“Hồi ấy, trên cái gò chơi voi giữa hồ Ba Bể, còn có một xóm nhỏ lác đác độ mười nhà. Họ ở cách nhau hàng ba bốn trăm thước. Lắm khi, vì khuất rừng cây, nhà nọ không trông thấy nhà kia. Mỗi gia đình chỉ bằng tiếng chó sủa và tiếng loóng gạo<sup>(1)</sup> mà còn có được cái cảm tưởng an ủi rằng vẫn gần nhau. Nhà nào cũng ruộng nương kê ngay chung quanh, vừa tiện hôm sớm đi về, vừa tiện giữ gìn màu vật khỏi cái hại hươu nai. Ông lạ gì, đường trên người thưa đất rộng, mặc sức vẫy vùng.

Về phía Bắc cái gò đất ấy, có một túp nhà tranh tối tàn. Mái nhà vẫn kín gió mưa, nhưng lá lợp lâu

---

(1) Giã gạo. (BT - chú thích của biên tập; chú thích của sách gốc được giữ nguyên)



ngày nhiều chỗ đã úi nát, găn thành một thứ đất màu. Những hột quả, chim tha về ăn để lại đấy, đã mọc thành những mầm cây nhỏ. Bốn bề vách nứa chống chéo, lau lách bên ngoài mọc đâm cả vào trong nhà. Những trận gió lạnh đêm đông thường khi thốc mách vào tận buồng nằm.

Nhà có ba gian thì một gian làm buồng ngủ, gian đầu đằng kia kê bàn thờ và giường tiếp khách. Tôi xin nói rõ ngay để ông biết rằng chủ nhà làm nghề thầy cúng, tiếng chúng tôi gọi là “sa thúng”. Và ban thờ chẳng qua là tấm phên nứa đặt lên bốn góc tre chôn một đầu liền xuống đất. Trên “bàn”, mấy cái bình hương tre tro tàn bể bộn, dăm cái chén đất, cái úp cái ngửa, một cái bát đựng nước cúng và một cái bát bày trâu, cau, hoa. Vài thẻ hương, giấy bao đã phai màu và mấy quyển sách cúng viết bằng thứ chữ riêng, người thường không thể đọc được.

Trước “bàn thờ”, một cái giường tre giải manh chiếu cũ bày ngổn ngang mấy khúc gỗ gồi đầu, một cái khay chén, một ấm chè đựng trong cái giỏ mây sơn màu gạch cua, một cái điếu cày dựa lên cái giá làm bằng một đoạn cành cây không khoèo. Gian giữa tức là bếp, là cái lò sưởi chung cho cả nhà về mùa đông. Vài cái đầu rau bằng đất thố, trên để chảo cám lợn luôn luôn đầy những món cùng chuối nấu nhừ thành một thứ cháo xám đen, một cái ấm đất và mấy cái nồi đất con. Ngay chỗ ngọn lửa bếp lên,

một cái gác tre lũng lảng chứa mấy cặp thịt nai sấy, vài gói thuốc mán, dăm quả bầu già, dưa già làm giống và một túm chân gà khô.

Cái khung cảnh ấy tiêu tụy, lạnh lẽo và lấm láp những tàn hương, bồ hóng, nhờ được những tiếng cười đầm thắm, những câu chuyện ái ân, những vẻ ngây thơ hóm hỉnh của đôi vợ chồng và đứa con nhỏ nọ, lấm khi thành ra linh động và tươi sáng.

Cả hai vợ chồng đều xấp xỉ ba chục tuổi.

Chồng, hơi thấp nhưng cả ngang, chân tay gân guốc, đi đứng mạnh dạn. Đầu anh ta vuông, tóc rẽ tre, cổ to như cổ trâu, nét mặt tròn và đều đặn, nước da hung hung. Nếu chẳng có cái miệng cười thà thường phô hai hàm răng trắng nhớn, vẻ mặt anh chàng có lẽ dữ tợn vì cái trán gồ, cái mũi tèn tẹt, cặp lông mày chổi sể và đôi mắt ốc nhồi sáng quắc.

Vợ, trái lại, nom mảnh dẻ, chân tay nhỏ nhắn, dáng điệu mềm mại. Trên khuôn mặt bầu bầu, nước da trắng mịn, cặp mắt bồ câu lóng lánh như nước hồ khi lặng gió. Cái mũi tuy nhòm mồm nhưng không giảm mất vẻ đẹp của nụ cười ý nhị thường nở trên cặp môi tươi.

Ngoài những lúc đi cúng đi bói xa, chồng chỉ loanh quanh ở nhà bảo ban vợ làm ăn. Nhờ phong tục tốt, hàng xóm thường giúp đỡ thêm vào, vợ chồng cũng trừ được một nương lúa to và cấy được hai mẫu